

**THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT**

**Thực hiện công trình Trường THCS Kim Phú, xã Kim Phú, thành phố  
Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Điểm b, Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình*

Trường THCS Kim Phú, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;  
Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố  
Tuyên Quang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng công trình  
Trường THCS Kim Phú, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Trường Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại  
Tờ trình số 273/TTr-TNMT ngày 17/4/2024.

**Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang thông báo:**

1. Thu hồi tổng diện tích **14.943,1 m<sup>2</sup>** đất do các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng đất tại xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, trong đó:

a) Diện tích, loại đất thu hồi phân theo hiện trạng sử dụng đất dự kiến:

- Nhóm đất nông nghiệp: 14.802,7 m<sup>2</sup>, gồm:

+ Đất chuyên trồng lúa nước: 13.923,1 m<sup>2</sup>

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 75,4 m<sup>2</sup>

+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác: 804,2 m<sup>2</sup>

- Nhóm đất phi nông nghiệp (đất thủy lợi): 140,4 m<sup>2</sup>, gồm:

b) Diện tích, loại đất thu hồi phân theo đối tượng quản lý, sử dụng dự kiến:

- Hộ gia đình, cá nhân: 11.844,3 m<sup>2</sup>.

- Tổ chức: 3.098,8 m<sup>2</sup>.

(Có Danh sách thu hồi đất kèm theo)

2. Lý do thu hồi đất: Xây dựng Trường THCS Kim Phú, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Hoàn thành trong tháng 5/2024.

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư: Do công trình không có hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở nên không phải bố trí tái định cư.

5. Giao Ủy ban nhân dân xã Kim Phú chủ trì, phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố (Chủ đầu tư) tổ chức họp công khai Thông báo thu hồi đất với các tổ chức, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất và niêm yết Thông báo này tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường và tại các địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất xây dựng công trình trên có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố (Chủ đầu tư) và Ủy ban nhân dân xã Kim Phú

thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật ./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Thành uỷ
- Thường trực HĐND thành phố (B/cáo);
- Chủ tịch UBND thành phố
- Các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở TN&MT;
- Trung tâm Văn hóa - Truyền thông và Thể thao thành phố;
- Hội đồng bồi thường, HT & TĐC thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố;
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố;
- Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang; Văn phòng Công chứng Ma Thị Sách; Văn phòng Công chứng Đinh Thị Bích; Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thu Hiền; Văn phòng Công chứng Nguyễn Hữu Thảo;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (Để thông báo cho các Ngân hàng Thương mại biết);
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã Kim Phú;
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất xây dựng công trình;
- CVP, PCVP HĐND - UBND thành phố;
- Chuyên viên TNMT;
- Lưu: VT, TNMT (N1 40b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Viết Cường**

**DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KIM PHÚ, XÃ KIM PHÚ, THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG**

*(Kèm theo Thông báo thu hồi đất số 96/TB-UBND ngày 02/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyền Quang)*

*Đơn vị tính: m<sup>2</sup>*

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất						Ghi chú
					Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất PNN			
					Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
						Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)			Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	
1	2	3	5	6	7	8	10	11			17
<b>TỔNG (I+II)</b>				<b>14.942,9</b>	<b>14.802,5</b>	<b>13.922,9</b>	<b>75,4</b>	<b>804,2</b>	<b>140,4</b>	<b>140,4</b>	
<b>I</b>	<b>ĐẤT DO HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN QUẢN LÝ</b>			<b>11.844,1</b>	<b>11.844,1</b>	<b>10.964,5</b>	<b>75,4</b>	<b>804,2</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	
1	Nguyễn Văn Cát	thôn 10, xã Kim Phú	1	218,5	218,5	218,5			0,0		
2	Đỗ Thị Biển	thôn 10, xã Kim Phú	2	172,9	172,9	172,9			0,0		
3	Lưu Thị Nhạn	thôn 10, xã Kim Phú	3	15,3	15,3	15,3			0,0		
4	Bùi Tiến Phú	thôn 10, xã Kim Phú	4	24,5	24,5	24,5			0,0		
5	Trương Thế Đạt	thôn 10, xã Kim Phú	5	120,9	120,9	120,9			0,0		
6	Vũ Công Uẩn	thôn 10, xã Kim Phú	6	84,9	84,9	84,9			0,0		
7	Bùi Thị Phong	thôn 10, xã Kim Phú	7	39,4	39,4	39,4			0,0		
8	Đỗ Thị Biển	thôn 10, xã Kim Phú	8	233,5	233,5	233,5			0,0		
9	Nguyễn Thị Tâm	thôn 10, xã Kim Phú	9	8,7	8,7	8,7			0,0		
10	Vũ Thị Khuyên	thôn 10, xã Kim Phú	10	197,9	197,9	197,9			0,0		
11	Lâm Huyền Vĩ	thôn 10, xã Kim Phú	11	248,8	248,8	248,8			0,0		
12	Lê Thị Đức	thôn 10, xã Kim Phú	12	92,6	92,6	92,6			0,0		
13	Nguyễn Đình Bảo	thôn 10, xã Kim Phú	13	132,1	132,1	132,1			0,0		
14	Lâm Quang Huy	thôn 10, xã Kim Phú	14	76,0	76,0	76,0			0,0		
15	Bạch Như Tình	thôn 10, xã Kim Phú	15	33,3	33,3		33,3		0,0		
16	Bạch Như Tình	thôn 10, xã Kim Phú	16	25,7	25,7			25,7	0,0		
17	Vũ Quang Thư	thôn 10, xã Kim Phú	17	127,6	127,6	127,6			0,0		
18	Vũ Thị Tuyết Nhung	thôn 10, xã Kim Phú	18	256,4	256,4	256,4			0,0		
19	Bạch Như Tình	thôn 10, xã Kim Phú	19	114,0	114,0	114,0			0,0		
20	Nguyễn Văn Thái	thôn 10, xã Kim Phú	20	251,5	251,5	251,5			0,0		

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất					Ghi chú	
					Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất PNN			
					Tổng	Trong đó			Tổng		Trong đó
						Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)			
21	Nguyễn Huy Phán	thôn 10, xã Kim Phú	21	171,4	171,4	171,4			0,0		
22	Nguyễn Văn Tiến	thôn 10, xã Kim Phú	22	528,1	528,1	528,1			0,0		
23	Nguyễn Thị Hạnh	thôn 10, xã Kim Phú	23	289,3	289,3	289,3			0,0		
24	Đào Quang Mai	thôn 10, xã Kim Phú	24	130,2	130,2	130,2			0,0		
25	Lê Hồng Lưu	thôn 10, xã Kim Phú	25	286,8	286,8	286,8			0,0		
26	Vũ Trung Kiên	thôn 10, xã Kim Phú	26	178,2	178,2	178,2			0,0		
27	Ma Văn Thuận	thôn 10, xã Kim Phú	27	173,1	173,1	173,1			0,0		
28	Lâm Quang Huy	thôn 10, xã Kim Phú	28	449,1	449,1	449,1			0,0		
29	Lâm Quang Huy	thôn 10, xã Kim Phú	30	80,0	80,0	80,0			0,0		
30	Nguyễn Huy Phán (Thông)	thôn 10, xã Kim Phú	31	696,8	696,8			696,8	0,0		
31	Đỗ Thị Lan	thôn 10, xã Kim Phú	32	19,3	19,3			19,3	0,0		
32	Đỗ Thị Lan	thôn 10, xã Kim Phú	33	37,2	37,2		37,2		0,0		
33	Nguyễn Thị Tân	thôn 10, xã Kim Phú	34	177,4	177,4	177,4			0,0		
34	Nguyễn Thị Tinh	thôn 10, xã Kim Phú	37	86,5	86,5	86,5			0,0		
35	Bạch Mưu Dũng	thôn 10, xã Kim Phú	38	147,2	147,2	147,2			0,0		
36	Nguyễn Văn Hưng	thôn 10, xã Kim Phú	40	143,6	143,6	143,6			0,0		
37	Nguyễn Văn Nhật	thôn 10, xã Kim Phú	41	81,7	81,7	81,7			0,0		
38	Cù Văn Chinh	thôn 10, xã Kim Phú	43	62,4	62,4			62,4	0,0		
39	Lâm Quang Huy	thôn 10, xã Kim Phú	45	130,0	130,0	130,0			0,0		
40	Cù Văn Chinh	thôn 10, xã Kim Phú	47	4,9	4,9		4,9		0,0		
41	Nguyễn Thị Thông	thôn 10, xã Kim Phú	48	75,4	75,4	75,4			0,0		
42	Nguyễn Huy Phán	thôn 10, xã Kim Phú	49	86,1	86,1	86,1			0,0		
43	Đào Quang Mai	thôn 10, xã Kim Phú	50	162,2	162,2	162,2			0,0		
44	Nguyễn Thị Vân	thôn 10, xã Kim Phú	51	4,9	4,9	4,9			0,0		
45	Nguyễn Thị Hoa	thôn 10, xã Kim Phú	52	73,2	73,2	73,2			0,0		
46	Nguyễn Thị Phong	thôn 10, xã Kim Phú	53	187,5	187,5	187,5			0,0		
47	Nguyễn Văn Nhật	thôn 10, xã Kim Phú	54	160,3	160,3	160,3			0,0		

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất						Ghi chú
					Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất PNN			
					Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó	
						Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)			
48	Nguyễn Huy Phán	thôn 10, xã Kim Phú	55	51,5	51,5	51,5			0,0		
49	Bùi Thị Tuyết	thôn 10, xã Kim Phú	56	178,0	178,0	178,0			0,0		
50	Nguyễn Thị Hoa	thôn 10, xã Kim Phú	57	157,9	157,9	157,9			0,0		
51	Lê Hồng Long	thôn 10, xã Kim Phú	59	1.388,4	1.388,4	1.388,4			0,0		
52	Lâm Xuân Chiến	thôn 10, xã Kim Phú	60	221,7	221,7	221,7			0,0		
53	Lê Thị Đức	thôn 10, xã Kim Phú	61	312,0	312,0	312,0			0,0		
54	Nguyễn Đình Bảo	thôn 10, xã Kim Phú	62	1.596,9	1.596,9	1.596,9			0,0		
55	Nguyễn Quang Thành	thôn 10, xã Kim Phú	63	44,1	44,1	44,1			0,0		
56	Bạch Thị Tuấn	thôn 10, xã Kim Phú	64	123,4	123,4	123,4			0,0		
57	Đỗ Xuân Phiên	thôn 10, xã Kim Phú	65	438,0	438,0	438,0			0,0		
58	Lưu Thị Nhận	thôn 10, xã Kim Phú	66	227,3	227,3	227,3			0,0		
59	Đỗ Thị Lan	thôn 10, xã Kim Phú	67	3,6	3,6	3,6			0,0		
60	Lưu Thị Nhận	thôn 10, xã Kim Phú	68	2,2	2,2	2,2			0,0		
61	Lưu Thị Nhận	thôn 10, xã Kim Phú	69	2,0	2,0	2,0			0,0		
<b>II</b>	<b>ĐẤT DO UBND XÃ KIM PHÚ QUẢN LÝ</b>			<b>3.098,8</b>	<b>2.958,4</b>	<b>2.958,4</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>140,4</b>	<b>140,4</b>	
1	UBND xã Kim Phú		29	738,5	738,5	738,5			0,0		Nguyễn Thị Hạnh (đất 5%)
2	UBND xã Kim Phú		35	395,6	395,6	395,6			0,0		Nguyễn Văn Thái (đất 5%)
3	UBND xã Kim Phú		36	140,4	0,0				140,4	140,4	
4	UBND xã Kim Phú		39	246,2	246,2	246,2			0,0		Phạm Xuân Dân (đất 5%)
5	UBND xã Kim Phú		42	198,4	198,4	198,4			0,0		Lâm Quang Huy (đất 5%)
6	UBND xã Kim Phú		44	717,0	717,0	717,0			0,0		Trương Thế Đạt (đất 5%)
7	UBND xã Kim Phú		46	525,0	525,0	525,0			0,0		Lưu Thị Hiền (đất 5%)
8	UBND xã Kim Phú		58	137,7	137,7	137,7			0,0		Đào Quang Mai (đất 5%)